| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 176/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2024
*V/v tranh chấp ly hôn, con chung".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Hậu

2. Bà Lê Thị Ái Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham gia

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị B, sinh năm 1978 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã H huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Út Đ, sinh năm 1979 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2024 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày: Chị và anh Ngô Văn Út Đ kết hôn vào ngày 14/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù vậy trong thời gian qua chị vẫn cố nhẫn nại duy trì hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng nhận những khuyết điểm của mình, để sửa chữa bản thân nhưng anh Đ không có ý định vun bồi hạnh phúc gia đình mà ngày một

vấn sâu vào những sai lầm đáng tiếc. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn Út Đ. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị B, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Ngô Văn Út Đ nhưng phía bị đơn anh Ngô Văn Út Đ không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Ngô Văn Út Đ vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn Út Đ, có địa chỉ ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị B có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Ngô Văn Út Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh Ngô Văn Út Đ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị B và anh Ngô Văn Út Đ kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhân kết hôn số: 44 và chị Võ Thị B, anh Ngô Văn Út Đ kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Võ Thị B cho rằng trong quá trình chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù vậy chị vẫn cố nhẫn nại duy trì hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng nhận những khuyết điểm của mình để sửa chữa bản thân nhưng anh Đ không có ý định vun bồi hạnh phúc gia đình mà ngày một vấn sâu vào những sai lầm đáng tiếc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị Võ Thị B xác định không còn tình cảm với anh Đ, yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Sự việc tranh chấp được Tòa án thông báo thụ lý và thông báo cho anh Đ hòa giải nhiều lần cùng với chị Võ Thị B nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến hòa giải và chị B cũng xin vắng mặt. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị B là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Võ Thị B và anh Ngô Văn Út Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị B có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị B.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Võ Thị B được ly hôn với anh Ngô Văn Út Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Tình đã nộp theo biên lai thu số 0011548 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

**Hồ Hoàng Phong**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Uỷ ban nhân dân xã H
(Giấy kết hôn số: 44, ngày 14/7/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.